

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/DS-ST
Ngày: 12-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Đa Ra.

Ông Cao Minh Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm An Bình, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương T - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2023/TLST-DS, ngày 29 tháng 12 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2024/QĐST-DS, ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H). Địa chỉ: Số B Bis N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện cho Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H): Ông Lư Thành P – Giám đốc Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H) - Chi nhánh T1, theo văn bản ủy quyền số: 1489/2023/QĐ-TGĐ, ngày 23/05/2023 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H).

Địa chỉ V, PG1-01-02-03 N, khóm C, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Kiều Quyên Q – Trợ lý QH KHCN – Chi nhánh T1, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 32/2024/UQ-HDB, ngày 11/7/2024 của Giám đốc Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H) - Chi nhánh T1).

Địa chỉ liên hệ: Vincom Shophouse, PG1-01-02-03 N, khóm C, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp S, Xã L, Thành Phố T, Tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: Ngày 07/9/2022 ông Bùi Văn N1 có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H). Căn cứ thu nhập của ông Bùi Văn N1 Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H) - Chi nhánh T1 đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng, hình thức cấp thẻ tín dụng tín chấp.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng đến ngày 28/11/2023, tổng số tiền ông Bùi Văn N còn nợ Ngân hàng là 39.613.697 đồng (bao gồm gốc 27.322.655, lãi 10.311.042 đồng, phí 1.980.000 đồng). Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông N không thực hiện nghĩa vụ cho Ngân hàng.

Tôi yêu cầu ông Bùi Văn N1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H) - Chi nhánh T1 tổng số tiền 52.618.963 đồng (trong đó gốc 27.322.655 đồng, lãi 16.239.683 đồng, phí 9.056.625 đồng) lãi tính đến ngày 12/7/2024 và yêu cầu ông Bùi Văn N tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng đến khi trả hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Bùi Văn N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt, riêng bị đơn ông Bùi Văn N thì vắng mặt không có lý do.

2. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thì Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H) - Chi nhánh T1 đã cấp thẻ tín dụng cho ông Bùi Văn N với hạn mức sử dụng thẻ là 40.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ ông N đã thực hiện các giao dịch rút tiền nhiều lần. Trong quá trình thực hiện giao dịch có nhiều lần ông N thanh toán tiền cho Ngân hàng và hiện tại tổng số tiền ông N còn nợ tổng số tiền 52.618.963 đồng (trong đó gốc 27.322.655 đồng, lãi 16.239.683 đồng, phí 9.056.625 đồng) lãi tính đến ngày 12/7/2024. Do ông N chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đã vi phạm hợp đồng đã ký kết của bên vay. Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H) - Chi nhánh T1 yêu cầu ông N trả số tiền nợ còn lại theo hợp đồng là có căn cứ. Đề xuất Tòa án áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ Luật tố tụng

dân sự; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 117, 119, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc ông Bùi Văn N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H) - Chi nhánh T1 tổng số tiền gốc và lãi đến ngày 12/7/2024 là 52.618.963 đồng và buộc ông N tiếp tục trả lãi đến khi thanh toán hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Về án phí ông N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Văn N có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ 52.618.963 đồng nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Bùi Văn N mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử vắng mặt bị đơn ông Bùi Văn N.

[2] Xét nội dung yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Bùi Văn N có nghĩa vụ trả tổng số tiền còn 52.618.963 đồng (trong đó gốc 27.322.655 đồng, lãi 16.239.683 đồng, phí 9.056.625 đồng) lãi tính đến ngày 12/7/2024 và tiền lãi phát sinh đến khi ông Bùi Văn N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại đề nghị kèm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm-dịch vụ, ngày 07/9/2022.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H - Chi nhánh T1 cung cấp, lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án xác định ông Bùi Văn N có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H - Chi nhánh T1. Căn cứ thu nhập của ông Bùi văn N1 Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H) - Chi nhánh T1 đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng, hình thức cấp thẻ tín dụng tín chấp, số thẻ 498767293252, số tài khoản thẻ 815417293852. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông N1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 24.089.345 đồng đến ngày 28/11/2023 ông N1 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 27.322.655 đồng. Do ông Bùi Văn N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H) - Chi nhánh T1 theo thỏa thuận tại đề nghị kèm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm-dịch vụ, ngày 07/9/2022 là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H) - Chi nhánh T1 số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ”. Bị đơn ông Bùi Văn N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối và không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án nên phải tự chịu trách nhiệm. Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ông Bùi Văn N phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H). Buộc ông Bùi Văn N có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H): Người đại diện cho Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H): Ông Lư Thành P – Giám đốc Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H) - Chi nhánh T1, theo văn bản ủy quyền số: 1489/2023/QĐ-TGD, ngày 23/05/2023 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H) tổng số tiền 52.618.963 đồng (trong đó gốc 27.322.655 đồng, lãi 16.239.683 đồng, phí 9.056.625 đồng) lãi tính đến ngày 12/7/2024.

Kể từ ngày 13/7/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại đề nghị kèm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm-dịch vụ, ngày 07/9/2022.

Về án phí: Buộc ông Bùi Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.630.948 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự.

Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H): Người đại diện cho Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H): Ông Lư Thành P – Giám đốc Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H) - Chi nhánh T1, theo văn bản ủy quyền số: 1489/2023/QĐ-TGD, ngày 23/05/2023 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H) không phải chịu án phí nên được nhận lại 990.000 đồng tiền

tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0000057 ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP. Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHAN THỊ BÍCH LỘC